

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 26/05 - 30/05/2025



Bàn tròn thảo luận 8h45 – 9h15 thứ 2 hàng tuần qua
ZOOM

Nơi hội tụ và lan tỏa tri thức của các chuyên gia VNDIRECT

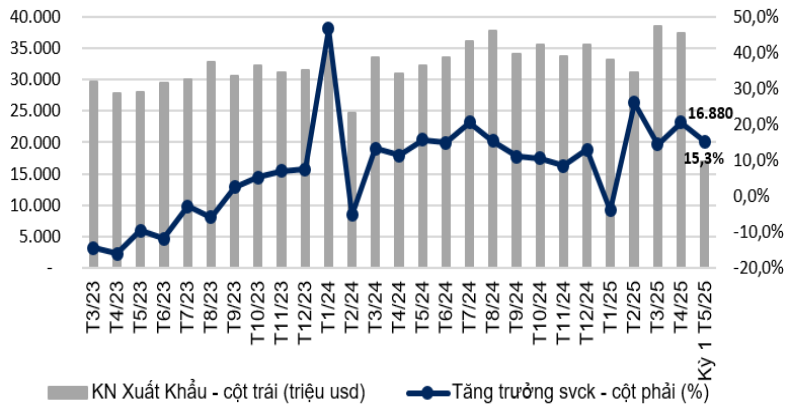
www.vndirect.com.vn

1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

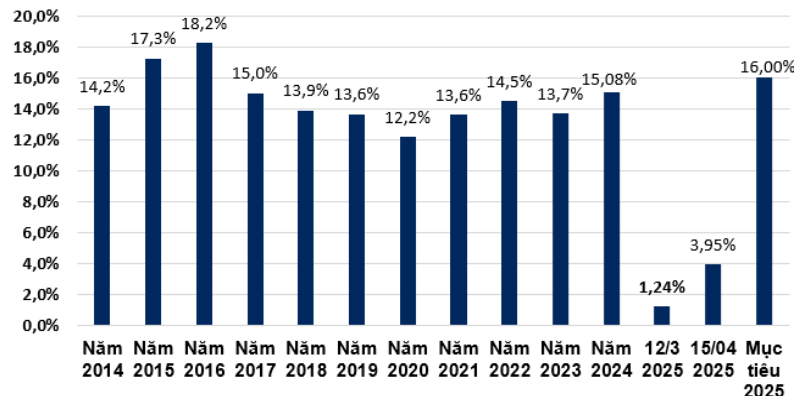


Việt Nam: Xuất nhập khẩu duy trì tăng trưởng trong kỳ 1 tháng 5

Số liệu xuất khẩu của VN



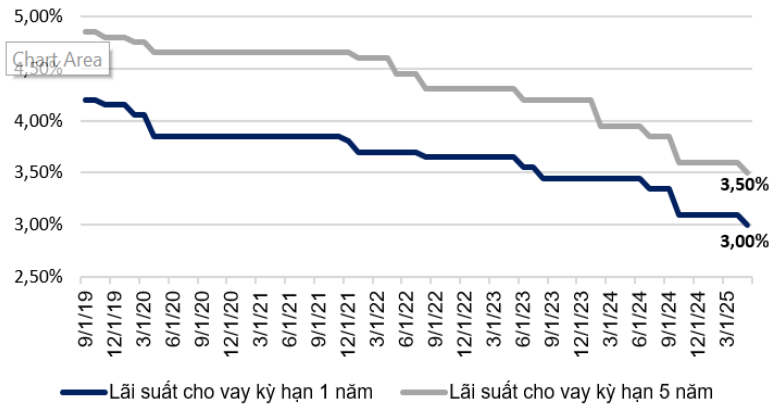
Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống



- Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam duy trì tăng trưởng trong kỳ 1 T5/25 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 36,09 tỷ usd tăng 13,1% yoy.
 - Tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 15/4 tăng 3,95% so với cuối năm 2024, khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm 2024.
- Theo số liệu từ Tổng cục Hải Quan, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam duy trì tăng trưởng trong kỳ 1 T5/25 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 36,09 tỷ usd, tăng 13,1% yoy. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trong kỳ 1 T5/25 đạt 16,88 tỷ usd tăng 15,3% yoy, lũy kế từ đầu năm cho đến ngày 15/05/2025 kim ngạch xuất khẩu đạt 157,5 tỷ usd tăng 13,3% yoy. Kim ngạch nhập khẩu trong kỳ 1 T5/25 đạt 19,21 tỷ usd tăng 11,3% yoy, lũy kế từ đầu năm cho đến ngày 15/05/2025 kim ngạch nhập khẩu đạt 155,76 tỷ usd, tăng 17,4% yoy. Cán cân thương mại tính từ đầu năm cho đến ngày 15/05/2025 thặng dư 1,74 tỷ usd.
- Theo số liệu của Ngân hàng nhà nước (NHNN), tính đến ngày 15/4, tín dụng toàn nền kinh tế đã tăng 3,95% so với cuối năm 2024 và tăng 18,19% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng này tích cực hơn so với mức tăng 1,21% của cùng kỳ 2024. Theo NHNN, mặt bằng lãi suất cho vay có xu hướng giảm chính là một trong những yếu tố tác động tích cực lên tăng trưởng tín dụng trong những tháng đầu năm 2025. Đến ngày 10/4, lãi suất cho vay bình quân với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng ở mức 6,34%/năm, giảm 0,6%/năm so với cuối năm 2024.
- Theo thông tin từ Bộ Công Thương, Việt Nam và Mỹ đã kết thúc vòng đàm phán lần thứ 2 Hiệp định song phương về thương mại đối ứng. Bộ Công Thương cho biết, vòng đàm phán lần thứ 2 đã đạt kết quả tích cực khi Việt Nam và Mỹ đã đạt tiến bộ tích cực về việc xác định rõ các nhóm vấn đề đạt được đồng thuận hoặc quan điểm đã gần nhau, và các nhóm vấn đề cần tiếp tục thảo luận để đi đến thống nhất trong thời gian tới. Phiên đàm phán tiếp theo dự kiến sẽ diễn ra vào đầu tháng 6 tới.

Thế Giới: Trung Quốc hạ lãi suất cho vay cơ sở, Ông Trump đe dọa áp thuế 50% lên hàng hóa EU

Lãi suất cho vay cơ bản của Trung Quốc



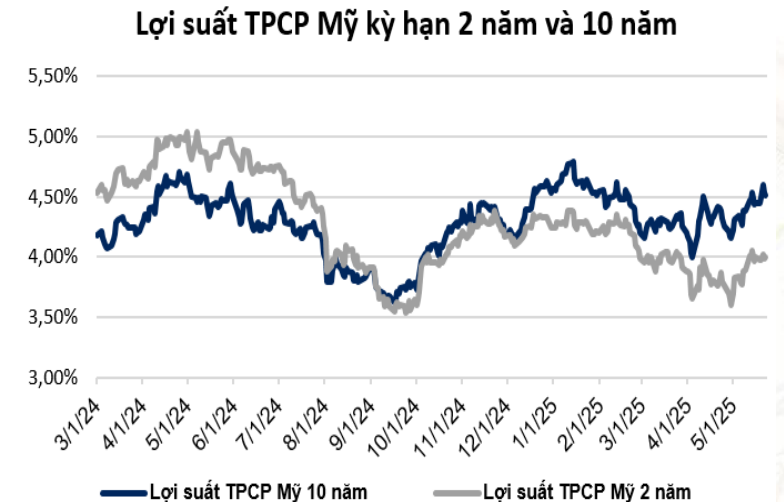
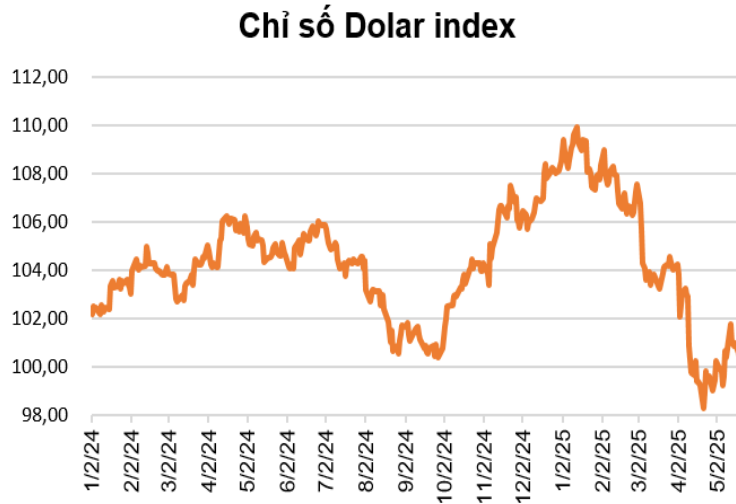
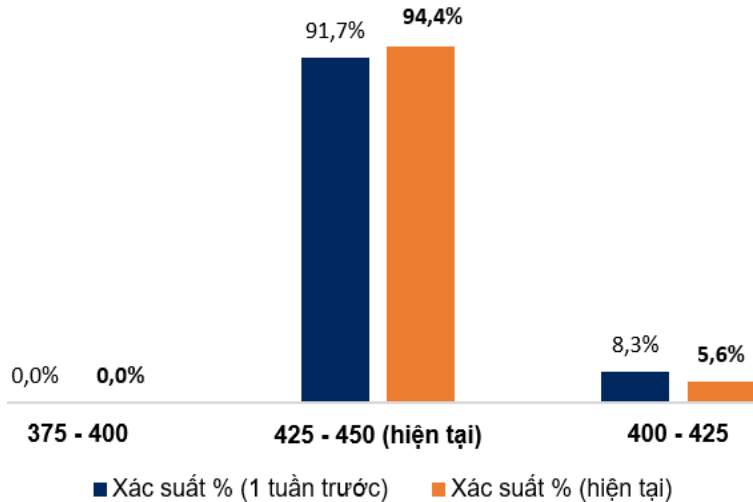
- Trong kỳ họp T4/25, NHTW Trung Quốc giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm và 5 năm, lần lượt ở mức 3,1% và 3,6%.
- Tổng thống Mỹ Donald Trump đe dọa sẽ áp thuế 50% lên toàn bộ hàng hóa từ EU, bắt đầu từ ngày 1/6.
- Tại cuộc họp chính sách T5/25, NHTW Trung Quốc (PBOC) đã quyết định giảm 0,1% các mức lãi suất cho vay tham chiếu. Theo đó, lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm được hạ xuống mức 3%, lãi suất kỳ hạn 5 năm được hạ xuống mức 3,5%. Các quyết định này phù hợp với dự báo của thị trường. Lần gần nhất PBOC quyết định hạ lãi suất là tại cuộc họp T10/24. Giới quan sát cho rằng, sự ổn định gần đây của đồng NDT cùng với việc Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận tạm hoãn thuế quan trong 90 ngày, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bắc Kinh nới lỏng chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, các nhà phân tích cũng cảnh báo hiệu quả từ những đợt cắt giảm lãi suất hiện nay có thể sẽ còn khá hạn chế.
- Ngày 23/5, trên mạng xã hội Truth Social, Tổng thống Mỹ Donald Trump đe dọa sẽ áp thuế 50% lên toàn bộ hàng hóa từ EU, bắt đầu từ ngày 1/6, mức này cao hơn nhiều so với mức 20% được Mỹ công bố áp cho EU hôm 02/04. Lý do được ông Trump đưa ra là do đàm phán thương mại hiện tại không đạt được tiến triển. Theo ông Trump, những rào cản thương mại khắt khe, thuế VAT, các khoản phạt phi lý với doanh nghiệp, rào cản phi tiền tệ, thao túng tiền tệ, các vụ kiện tụng bất công và vô lý nhắm vào doanh nghiệp Mỹ, và nhiều điều khác nữa, đã dẫn đến việc Mỹ thâm hụt thương mại với EU hơn 250 tỷ USD mỗi năm.
- Theo số liệu của S&P Global, PMI lĩnh vực sản xuất T5/25 của Mỹ tăng lên mức 52,3 từ mức 50,2 điểm của T4/25, cao hơn so với mức dự báo sẽ giảm xuống 49,9 điểm. PMI lĩnh vực dịch vụ T5/25 của Mỹ cũng tăng lên 52,3 điểm từ 50,8 điểm của T4/25 và cao hơn mức 51 điểm theo dự báo. Mức điểm tăng và duy trì trên 50 điểm cho thấy cả lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ của Mỹ đều duy trì mở rộng trong T5/25.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T6/2025

94,4% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 5,6% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 6.2025.

DXY đóng cửa ở mức 99,1 điểm, giảm 1,86% wow và giảm 8,65% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,99% không đổi so với tuần trước và giảm 25,3 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,51% tăng 6,5 bps wow và giảm 6 bps ytd

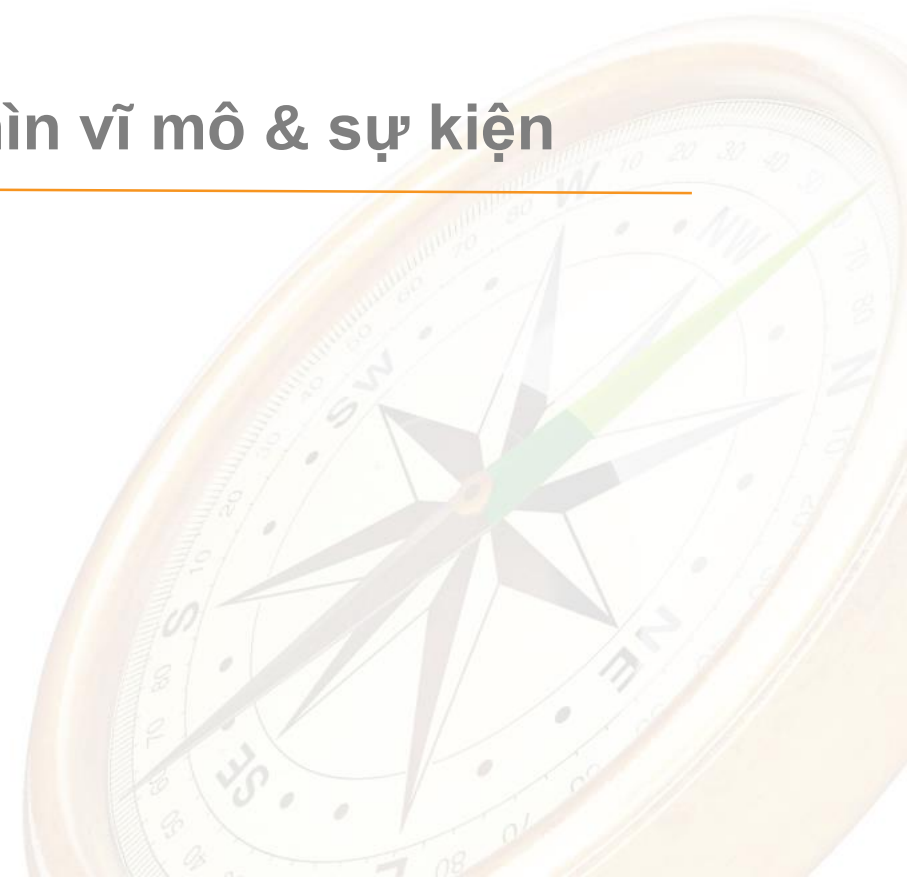


Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn dài tăng mạnh trong khi chỉ số Dollar index giảm mạnh trong tuần khi những lo ngại về gánh nặng nợ công của Mỹ và dự luật cắt giảm thuế làm dấy lên sự bất ổn tài chính của Mỹ kể từ sau khi Moody's hạ xếp hạng tín dụng của Mỹ từ AAA (mức cao nhất) xuống AA1 (cuộc họp tháng 6/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 18/06/25 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Tư 28/05/2025	Mỹ	Biên bản cuộc họp chính sách tháng 5.2025 của Fed
Thứ Năm 29/05/2025	Mỹ	Số liệu chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 4.2025

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

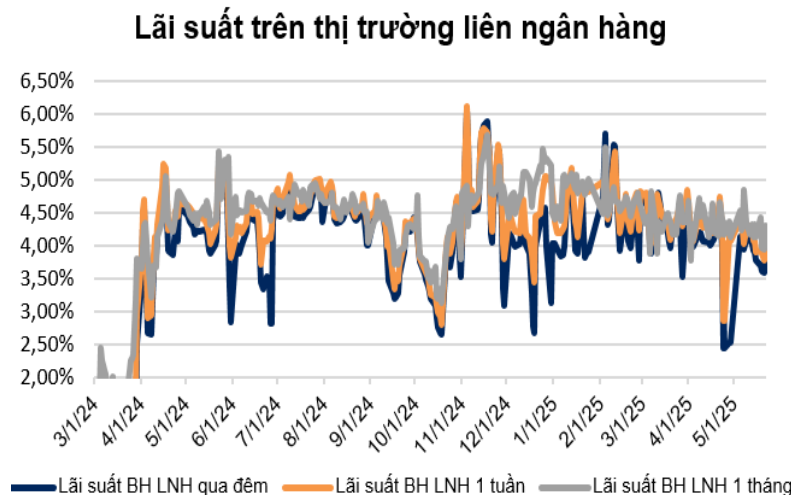
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

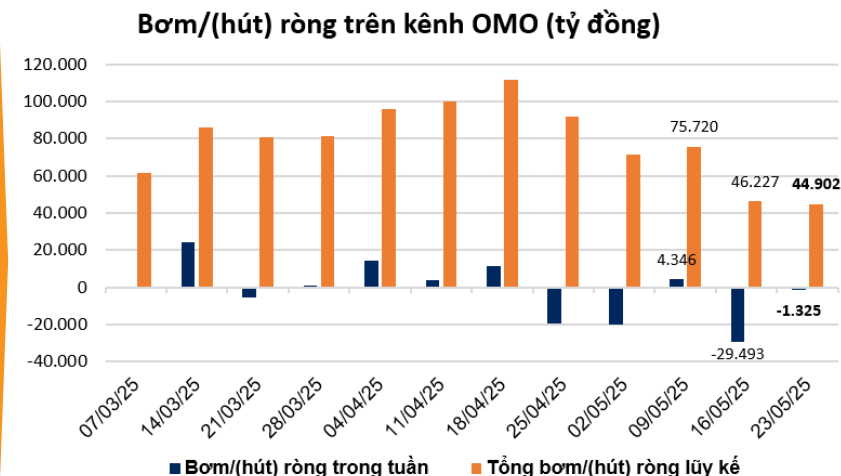


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Thanh khoản hệ thống dồi dào

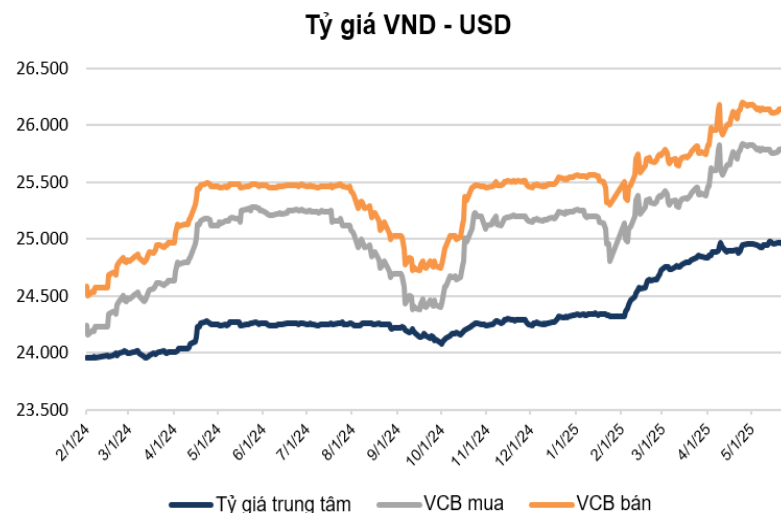
Lãi suất LNH duy trì ở vùng cân bằng. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 3,86% (- 6 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 3,95% (- 13 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,30% (- 3 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 22/05/2025)



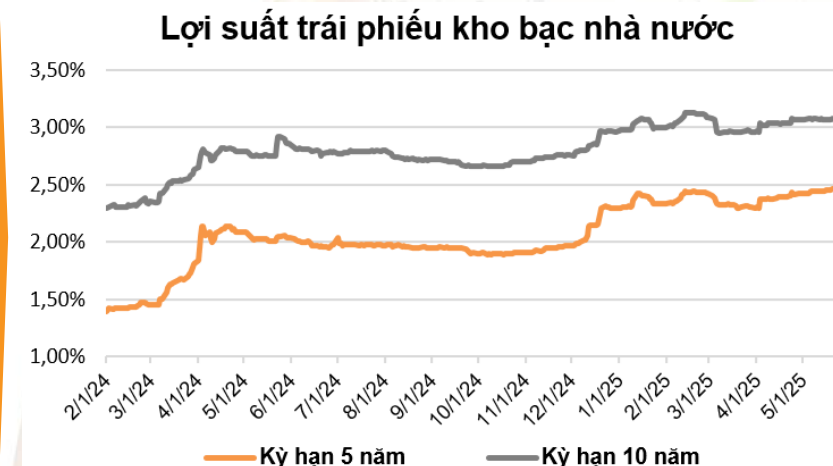
NHNN hút ròng nhẹ trên kênh OMO khi lượng bơm ròng trước đó qua kênh cầm cố đáo hạn. Kết tuần NHNN hút ròng 1.325 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế còn 44.902 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tăng trở lại. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.770 đ và 26.130 đ tăng 0,08% so với tuần trước (wow) và tăng 2,27% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.960 đ tăng 2,57% ytd

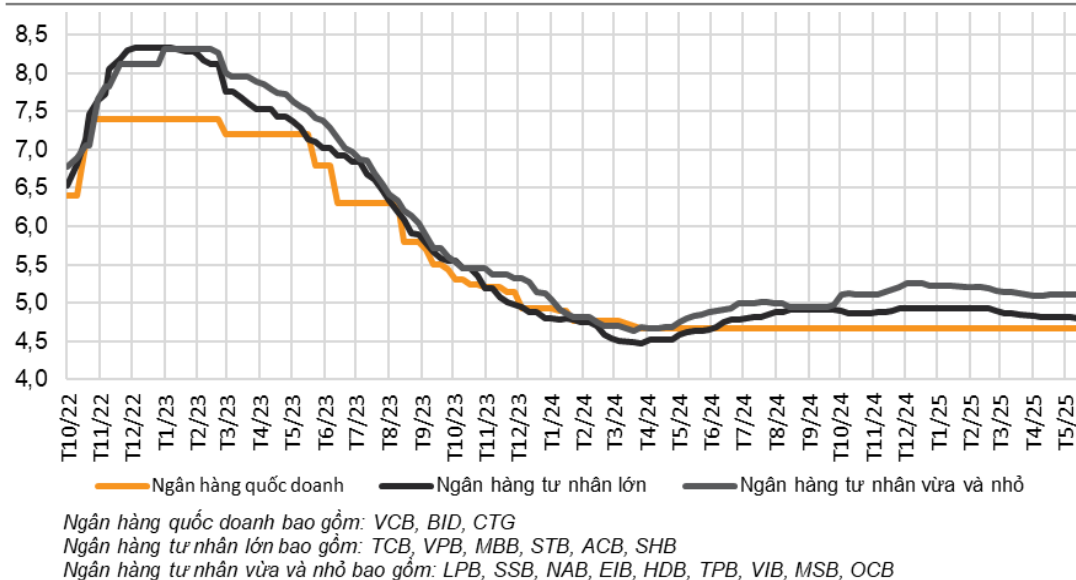


Lợi suất TP KBNN nhích tăng, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 3,08%, tăng 1 bps so với tuần trước (wow) và tăng 11 bps kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,46% tăng 1 bps wow và tăng 17 bps ytd.

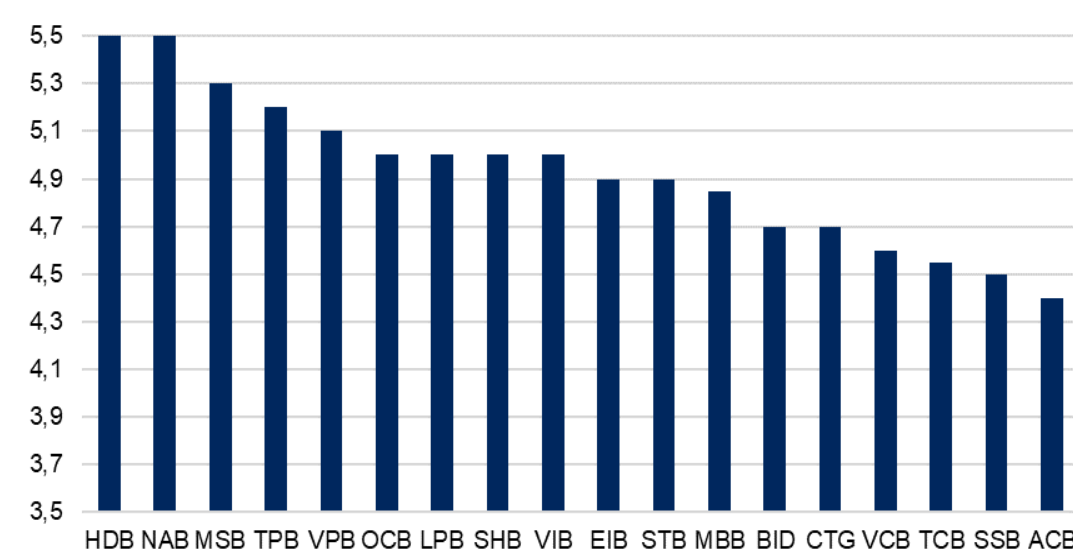


EIB tiếp tục giảm lãi suất

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

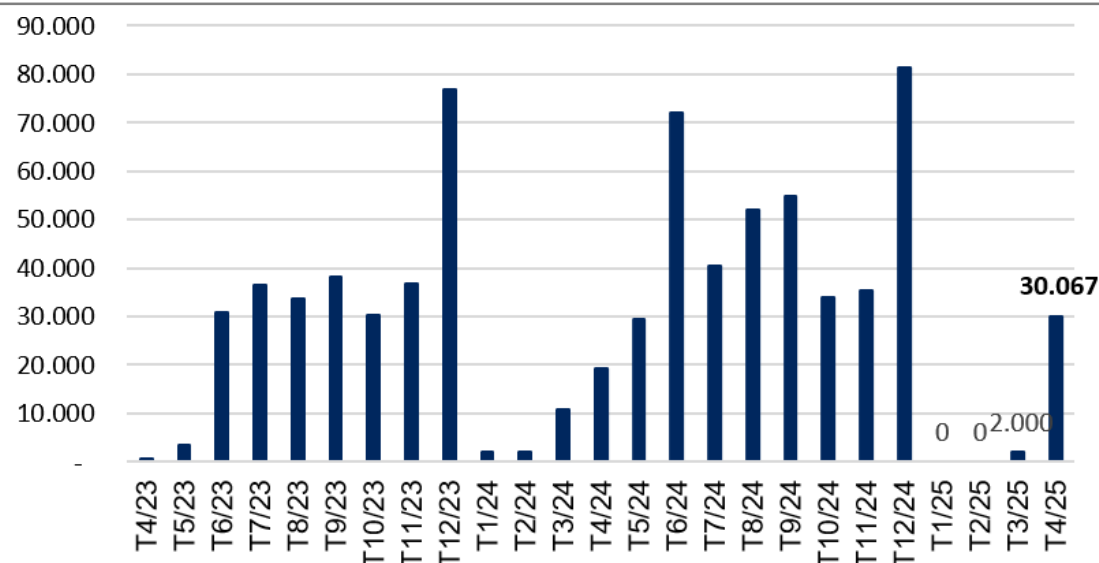


- Trong tuần từ 16/05 – 23/05/2025, EIB giảm 0,1 điểm% lãi suất tại kỳ hạn 12 tháng xuống còn 4,9%, trong khi các NHTM khác giữ nguyên lãi suất huy động tại kỳ hạn 12 tháng.
- Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh giữ nguyên tại 4,67%/năm. Bình quân lãi suất kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân lớn giảm 0,02 điểm % xuống 4,8% và nhóm NH tư nhân nhỏ giữ nguyên tại 5,1%.

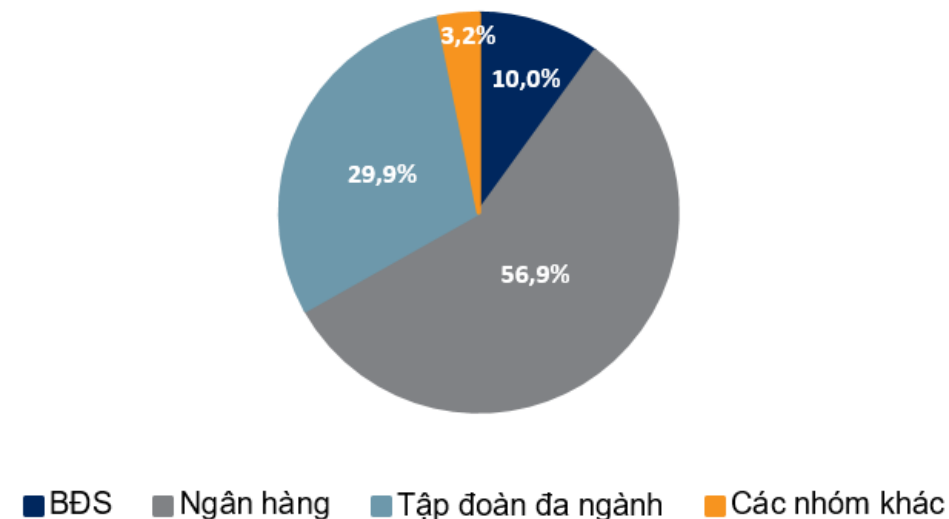
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) ảm lại trong tháng 4 khi nhóm Ngân gia tăng phát hành

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 29/04/25



Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong T4/25
- số liệu được tổng hợp đến ngày 29/04/25

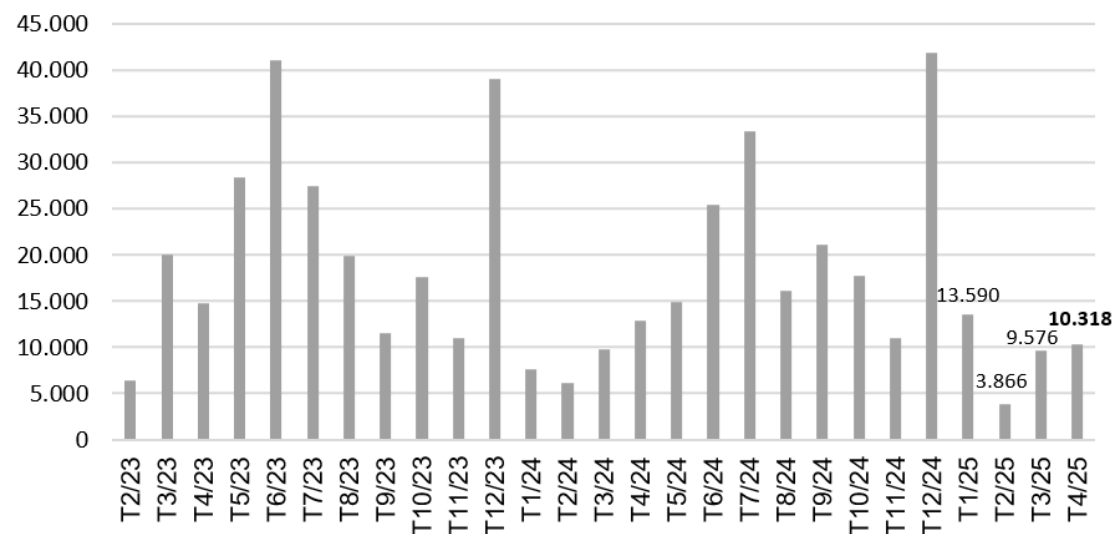


- Theo số liệu được công bố đến ngày 29/04/25, trong T4/25 có 19 đợt phát hành TPDNRL thành công với giá phát hành đạt hơn 30 nghìn tỷ đồng, cao gấp 15 lần so với tháng 3 và tăng 56,4% svck. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 32 nghìn tỷ đồng, giảm 6,6% svck.
- Hoạt động phát hành TPDNRL ảm lên trong T4/25 khi nhóm Ngân hàng gia tăng phát hành trở lại. Trong T4/25 nhóm Ngân hàng đã phát hành 12 đợt TPDNRL với tổng giá trị phát hành đạt 17,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 56,9% tổng giá trị TPDNRL phát hành. Trong T4/25 nhóm Bất động sản chỉ có 1 đợt phát hành thành công với giá trị phát hành là 3 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 10% tổng giá trị TPDNRL phát hành.

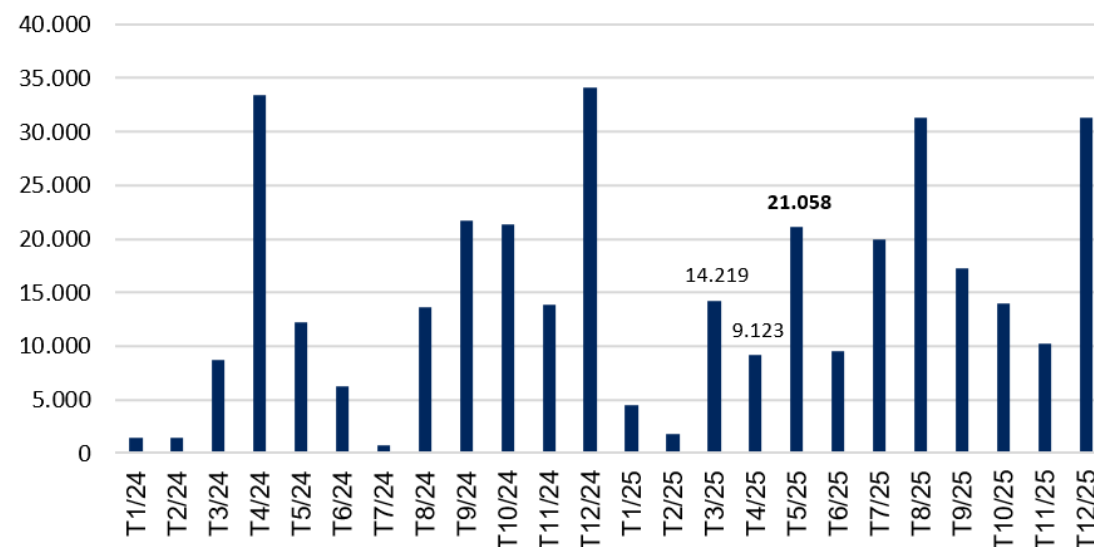
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn tăng trở lại trong tháng 5

Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng) - số liệu được tổng hợp đến ngày 29/04/25



Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 29/04/25

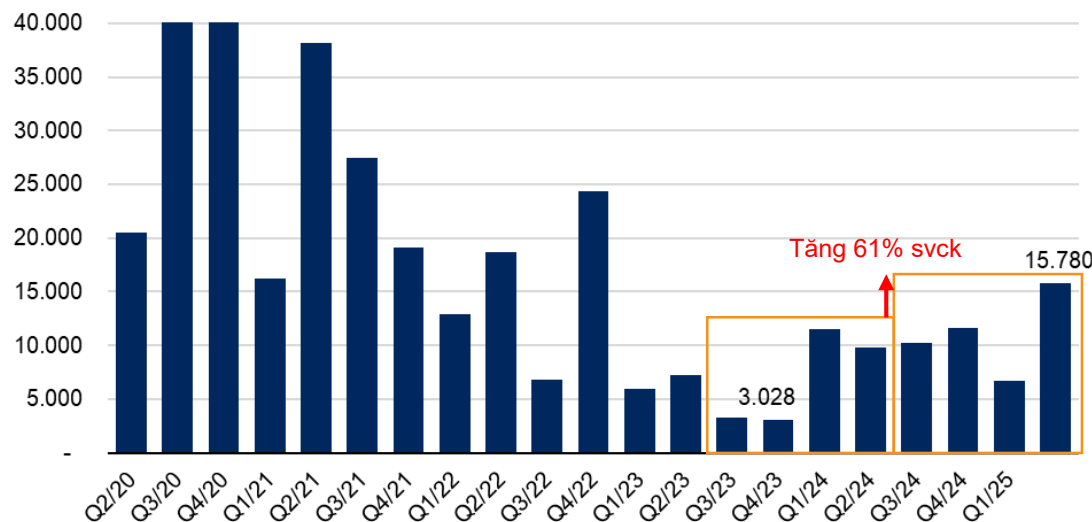


- Hoạt động mua lại TPDNRL trước hạn duy trì ổn định trong T4/25, với tổng giá trị TPDNRL được mua lại trong T4/25 đạt hơn 10,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,7% so với tháng trước và giảm 19,5% svck. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn đạt hơn 37,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,8% svck.
- Theo số liệu của chúng tôi trong T5/25 sẽ có khoảng hơn 21 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, tăng 130,8% so với tháng trước. Áp lực đáo hạn tăng trong T5/25 sau đó giảm trở lại trong T6/25.

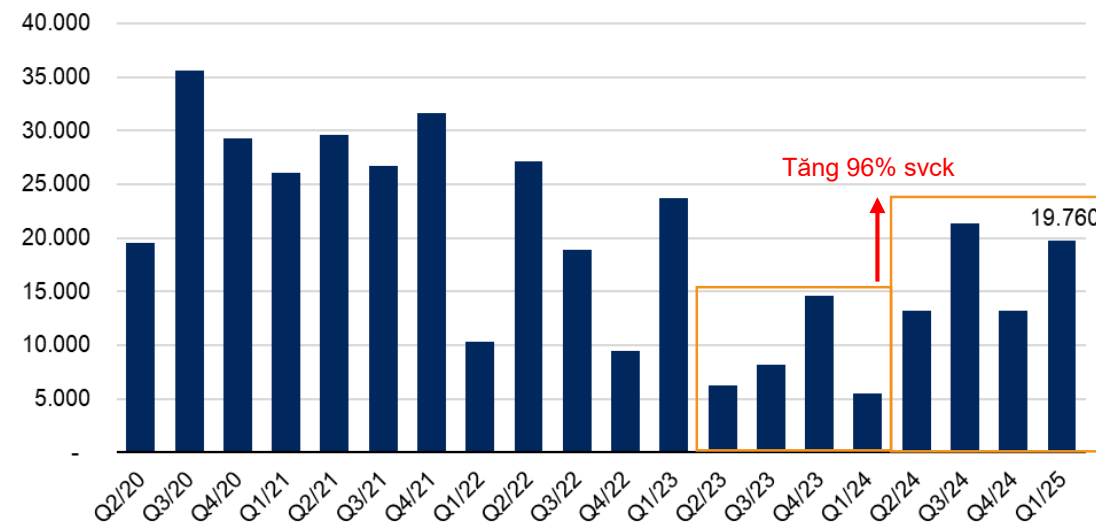
3.3 Thị trường Bất động sản

Nguồn cung dự kiến sẽ tăng lên, thị trường bất động sản ảm dần lên

Số căn nhà ở thương mại (gồm chung cư, nhà ở riêng lẻ) được cấp phép mới (đơn vị: căn)



Số căn nhà ở thương mại (gồm chung cư, nhà ở riêng lẻ) đủ điều kiện mở bán hình thành trong tương lai (đơn vị: căn)

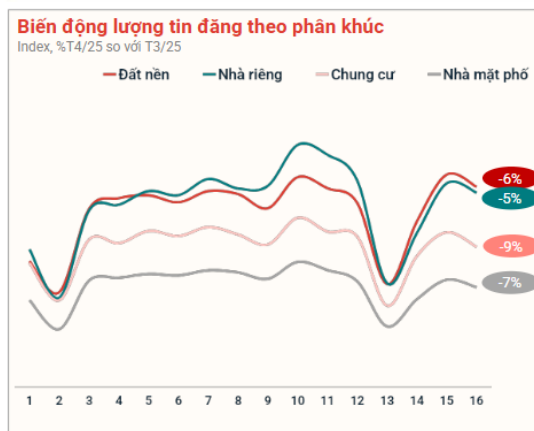
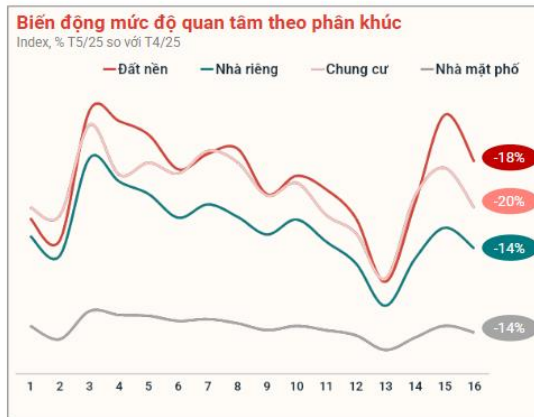


- Nhờ nỗ lực gỡ vướng pháp lý và luật Bất động sản mới, số căn nhà ở thương mại được cấp phép mới (hình trái) và đủ điều kiện mở bán hình thành trong tương lai (hình phải) đã cải thiện đáng kể, tăng lần lượt 61%/96% svck. Tuy nhiên, hầu hết các dự án chủ yếu vẫn đến từ miền Bắc, trong khi miền Nam vẫn còn chậm.
- Nguồn cung căn hộ tại Hà Nội khiêm tốn, khoảng 3.920 căn (7 dự án) mở bán mới, so với mức trung bình 8.000-9.000 căn/quý của 3 quý trước. Nguồn cung căn hộ tại TP.HCM vẫn khan hiếm chỉ 350 căn hộ từ các dự án cũ, nhưng nguồn cung mới đến từ các khu vực xung quanh TP.HCM như Bình Dương, Long An, Đồng Nai, mà Bình Dương dẫn đầu nguồn cung.

3.3 Thị trường Bất động sản

Thị trường có ghi nhận sự “giảm tốc” trên diện rộng về mức độ quan tâm, lượng đăng tin và giao dịch

Theo dữ liệu từ batdongsan.com.vn, sau 3 tháng sôi động, thị trường bất động sản có dấu hiệu “hạ nhiệt” trong tháng 4/2025 chủ yếu đến từ kỳ nghỉ lễ kéo dài:



Tại khu vực phía Bắc, giá chung cư Hà Nội chững lại do nguồn cung giảm, sức mua chậm lại sau thời gian dài tăng nóng. Nguồn cung nhà thấp tầng ghi nhận giao dịch mở mới lớn đến từ dự án Vinhomes Wonder City (Đan Phượng). Trong tháng 5, việc khởi công xây dựng cầu Tứ Liên giúp kết nối Đông Anh, cùng với sự phát triển hạ tầng giao thông như vành đai 3.5, Đại lộ Thăng Long, quốc lộ 32 và các dự án metro sẽ giúp dịch chuyển nguồn cung và sức cầu về các khu vực vùng ven như Hoài Đức, Đông Anh, Đan Phượng. Bên cạnh đó, Hải Phòng và Hưng Yên là hai tỉnh được quan tâm tìm kiếm nhiều nhất trong tháng 4.

Tại khu vực phía Nam, trong ba tuần đầu tháng 4, lượng giao dịch BĐS tại TP.HCM, Bình Dương, Long An, Đồng Nai, BRVT, và Tây Ninh giảm 30-40% so với tháng trước. Trong đó, khu vực Bình Dương nhận được mức quan tâm cao nhất, với nguồn cung căn hộ đáng kể, kể đến là BRVT và Long An. Bên cạnh đó, các dự án hạ tầng giao thông như vành đai 3, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu (dự kiến thông xe vào dịp 2/9), sân bay Long Thành (dự kiến hoàn thành cơ bản vào cuối năm 2025, và đưa vào khai thác nửa đầu năm 2026). UBND TP.HCM cũng đặt mục tiêu khởi công cầu Cần Giờ trong năm 2025, và hoàn thành năm 2028.

Nguyên nhân khiến thị trường chững lại chủ yếu do kỳ vọng về sáp nhập địa chính dần hạ nhiệt; nguồn cung mới chủ yếu thuộc phân khúc cao cấp, vượt khả năng chi trả của phần lớn người mua; và tâm lý e ngại rủi ro từ giới đầu tư nhỏ lẻ sau nhiều đợt “sốt đất”.

3.4 Thị trường hàng hóa

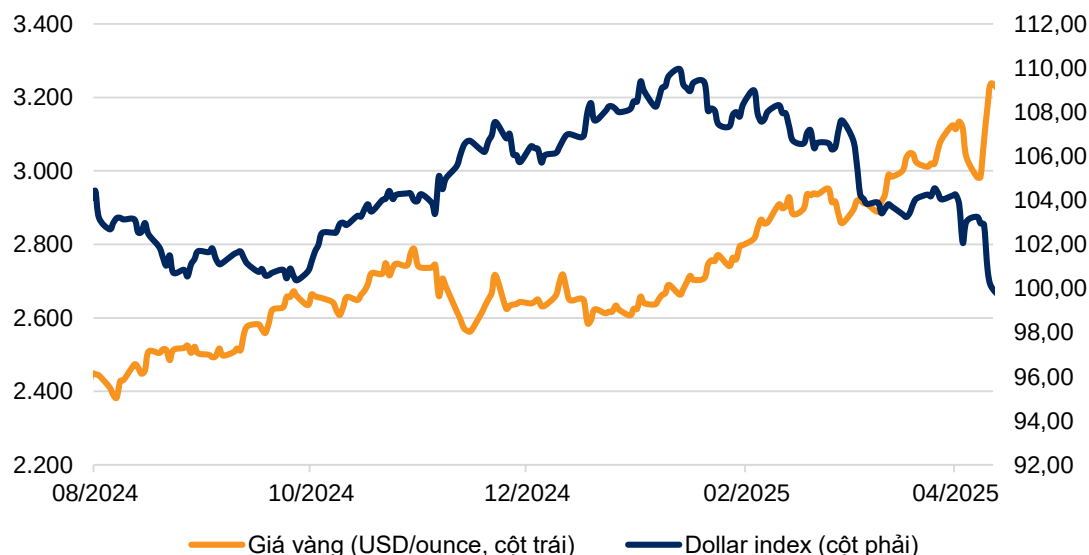
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 23/05/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-0,96%	-2,03%	-20,38%	-13,21%	
	Khí LNG	5,04%	7,82%	0,73%	-19,42%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	1,26%	6,99%	-29,77%	-19,96%	
	Quặng sắt	-0,99%	-0,63%	-15,68%	-3,87%	
	Đồng	2,04%	-4,03%	-3,49%	15,45%	
	Niken	-0,24%	-0,67%	-22,60%	1,85%	
	PVC	-1,24%	-1,07%	-22,65%	-2,62%	
	Cao su	2,47%	10,33%	0,46%	-14,17%	
Nông nghiệp	Urê	0,46%	-0,65%	19,53%	3,66%	
	Lúa Mỳ	3,48%	2,84%	-22,17%	-1,50%	
	Gạo tám 5%	0,12%	0,72%	-30,44%	-21,21%	
	Đường	-1,48%	-3,79%	-5,48%	-10,38%	
	Thịt lợn	-0,14%	-0,71%	5,07%	4,76%	
Kim loại quý	Vàng thỏi	4,79%	2,09%	44,12%	27,91%	

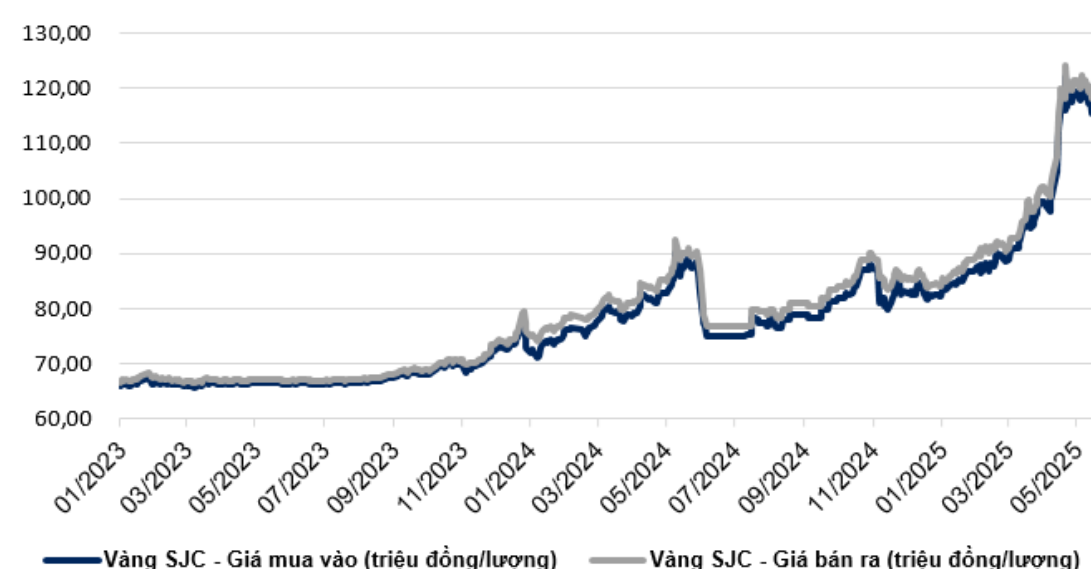
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng tăng mạnh trở lại khi đồng USD suy yếu và xuất hiện những lo ngại về sự bất ổn tài chính của Mỹ

Tính đến ngày 23/05, giá vàng thế giới đạt 3.356,99 USD/oz, tăng 4,79% sv tuần trước và tăng 2,09% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 118,5-120,5 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt tăng 2,42%/1,52% sv tuần trước

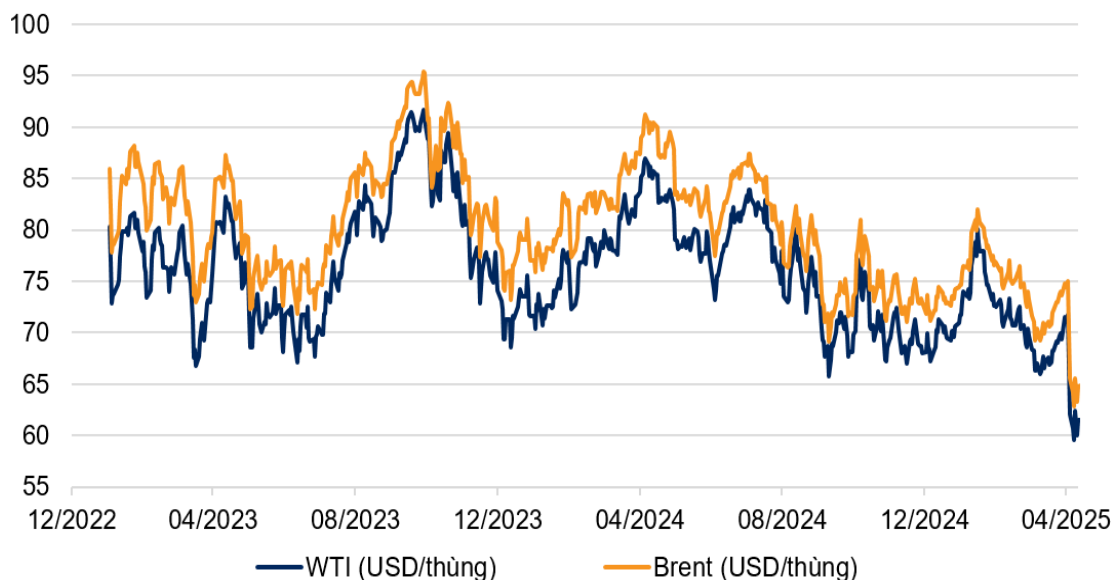


- Giá vàng thế giới tăng mạnh trở lại trong tuần qua trong bối cảnh đồng USD suy yếu và có những lo ngại về sự bất ổn tài chính tại nền kinh tế lớn nhất thế giới. Ngoài ra việc NHTW Trung Quốc tiếp tục gia tăng dự trữ vàng cũng hỗ trợ cho đà tăng của giá vàng.
- Trong nước, giá vàng miếng cũng tăng trở lại. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 23/05 ở mức 14,7 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 26.130).

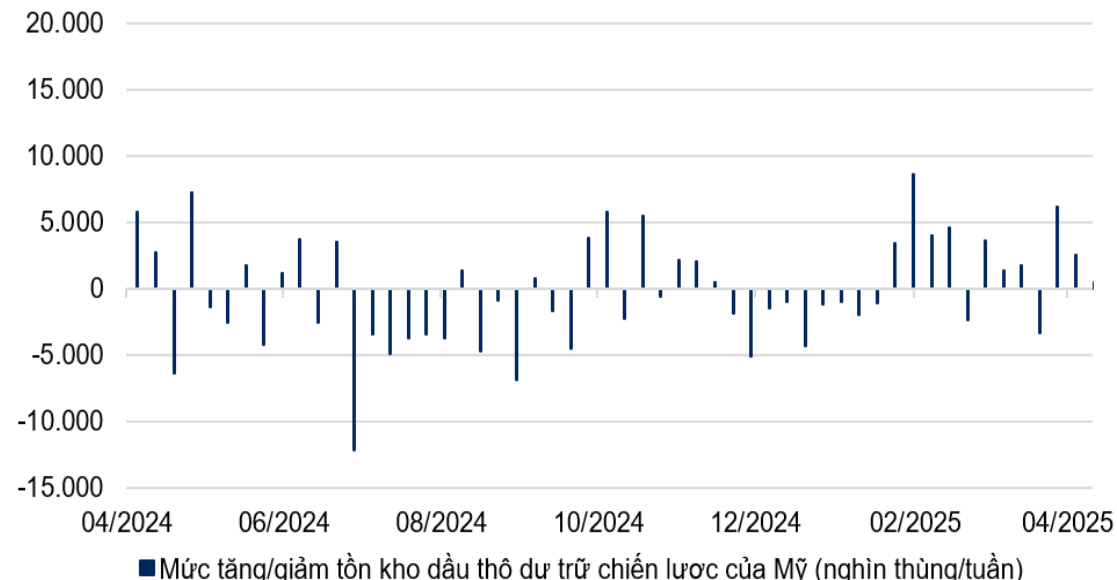
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô giảm trước kỳ vọng Mỹ - Iran sẽ đạt được thỏa thuận hạt nhân

Tính đến ngày 23/05, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 61,76 và 64,78 USD/thùng, giảm 1,2% và 1% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng ròng hơn 1,3 triệu thùng vào tuần kết thúc ngày 16/5



- Giá dầu giảm trở lại trong tuần qua khi thị trường kỳ vọng Mỹ và Iran có thể đạt được thỏa thuận về chương trình hạt nhân của Tehran, điều này có thể dẫn đến việc Iran sẽ tăng xuất khẩu dầu trong thời gian tới. Ngoài ra dự trữ dầu thô tại Mỹ bất ngờ tăng mạnh trong 2 tuần gần đây làm dấy lên lo ngại về tình trạng dư cung.
- Tồn kho dầu thô của Mỹ (thị trường tiêu thụ dầu thô lớn thứ hai thế giới) ghi nhận tuần tăng thứ 2 liên tiếp, với tổng lượng tăng hơn 1,3 triệu thùng trong tuần kết thúc vào ngày 16/05.

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	-2,47%	3,71%	-2,21%	6,48%
S&P 500	Mỹ	-2,61%	5,02%	-1,34%	9,39%
Nasdaq	Mỹ	-2,47%	7,79%	-2,97%	10,73%
Euro Stoxx 50	EU	-1,82%	3,39%	8,84%	5,82%
FTSE 100	Anh	0,38%	3,60%	6,67%	4,81%
Nikkei 225	Nhật Bản	-1,57%	4,07%	-6,85%	-3,84%
Shanghai	Trung Quốc	-0,57%	1,62%	-0,10%	8,40%
Hang Seng	Trung Quốc	1,10%	7,37%	17,65%	26,83%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-0,79%	9,05%	-5,92%	0,49%
SET	Thái Lan	-1,62%	1,50%	-15,99%	-13,79%
KOSPI	Hàn Quốc	-1,32%	1,80%	8,03%	-3,55%
Malaysia Top 100	Malaysia	-2,26%	2,21%	-8,42%	-5,99%
STI Index	Singapore	-0,40%	1,53%	2,50%	17,06%
IDX Composite	Indonesia	1,51%	8,01%	1,90%	-0,11%
PHS All Shares	Philippine	-0,60%	1,38%	-0,05%	6,34%
VN30	Việt Nam	1,80%	7,00%	4,81%	9,81%
VNINDEX	Việt Nam	1,00%	6,93%	3,76%	4,16%

Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm khi xuất hiện những lo ngại về sự bất ổn tài chính do lợi suất TPCP Mỹ tăng cao, ngoài ra thông tin tổng thống Donald Trump đưa ra những cảnh báo mới về thuế quan, bao gồm ý định áp thuế lên Apple và tăng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ EU cũng tác động áp lực lên thị trường. Kết tuần cả 3 chỉ số chứng khoán chính của Mỹ đều giảm điểm với mức giảm hơn 2% ở mỗi chỉ số.

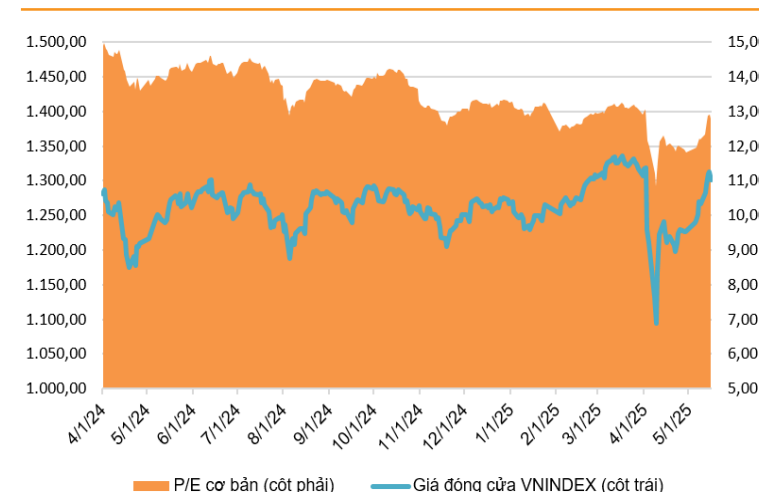
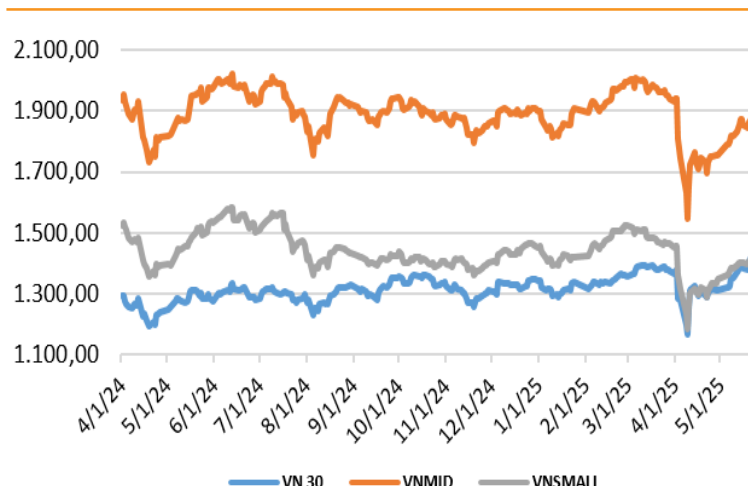
Nhiều thị trường chứng khoán châu Á cũng ghi nhận 1 tuần điều chỉnh trong tuần qua như thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan ...

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường duy trì đà tăng

VN-Index duy trì đà tăng, kết tuần tại mức 1.314,46 điểm, tăng 1% sv tuần trước.

Các chỉ số VN30/ VNMID/ VNSML đều tăng với mức tăng lần lượt là 1,8%/0,64%/0,74%.

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 12,9x.



- Với 3 phiên tăng điểm và 2 phiên điều chỉnh, VN-Index ghi nhận tuần tăng điểm thứ 3 liên tiếp. Kết tuần VN-index tăng 13,07 điểm (+1%) lên 1.314,46 điểm. Thanh khoản giao dịch duy trì ở mức cao, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 891,9 triệu cp/phần, giảm 1,7% so với tuần trước và cao hơn 17,6% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại trở lại bán ròng với giá trị bán ròng trên sàn HOSE là 561 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán cũng chuyển sang bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 1.116 tỷ đồng.
- Các mã VIC và VHM là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 11,92 điểm và 10,64 điểm. Ở chiều ngược lại LPB và VCB là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 1,47 điểm và 1,4 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2025 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	-0,3%	6,6%	2,5%	22,1	3,18	-14,2%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	13,7	1,38	0,0%
Bất động sản	8,9%	23,0%	43,1%	16,5	1,61	1,5%
Công nghệ TT	-3,1%	6,2%	-22,3%	20,0	4,08	-25,3%
Dầu khí	-2,5%	7,3%	-12,9%	30,2	1,09	-18,9%
Dịch vụ tài chính	-1,4%	4,9%	1,1%	18,1	1,36	8,0%
Hóa chất	-1,7%	9,4%	-8,5%	17,0	1,66	-9,0%
Ngân hàng	-0,2%	4,5%	3,0%	9,0	1,42	-15,1%
Tài nguyên cơ bản	-0,1%	0,9%	10,6%	18,3	1,35	-35,9%
Thực phẩm&Đồ uống	-0,6%	5,7%	-9,0%	16,88	2,54	5,3%
Viễn thông	-4,7%	3,1%	-20,5%	34,8	5,42	-22,1%
Xây dựng & Vật liệu	0,3%	6,6%	1,4%	10,5	1,36	35,8%
VN-Index	1,00%	8,54%	3,76%	12,93	1,66	-1,7%

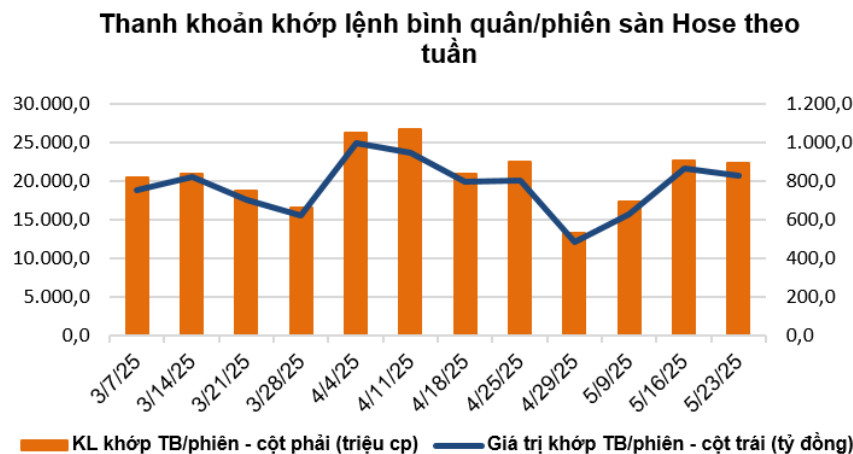
Thị trường diễn biến phân hóa với thanh khoản sụt giảm ở nhiều nhóm ngành.

Nhóm cổ phiếu Bất động sản mặc dù ghi nhận mức tăng điểm mạnh, tuy nhiên đã có sự phân hóa mạnh. Trong đó chỉ có nhóm cổ phiếu Vingroup duy trì tăng mạnh với VIC (+ 16,2%), VHM (+18,6%), VRE (+4,7%) bên cạnh CII (+ 13,9%), DPG (+12,7%)...Trong khi vẫn nhiều mã giảm như NTL (-4,9%), TDC (-3,2%), KDH (-1,9%)...

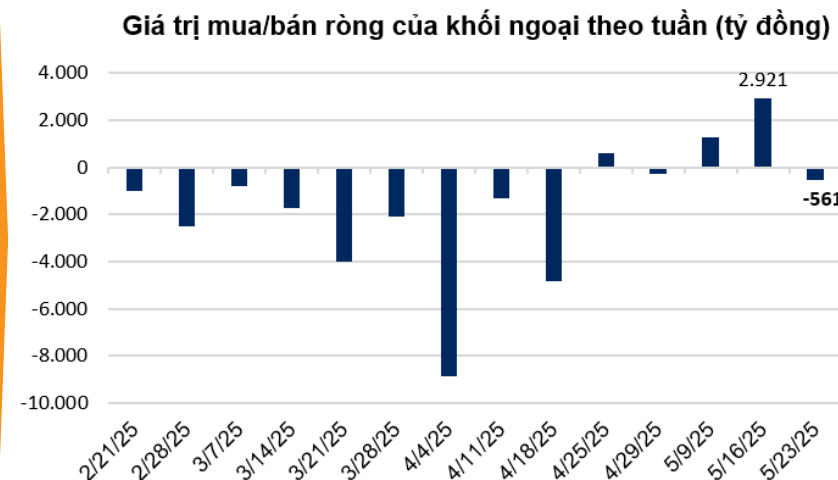
Nhóm ngân hàng cũng có diễn biến phân hóa, trong đó một số cổ phiếu duy trì tăng điểm như EIB (+10%), STB (+5%), TCB (+2,4%), ACB (+1,6%)... trong khi nhiều cổ phiếu giảm như LPB (-6%), TPB (-2,6%), BID (-2%), SSB (-1,8%)....

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản duy trì và khối ngoại trở lại bán ròng

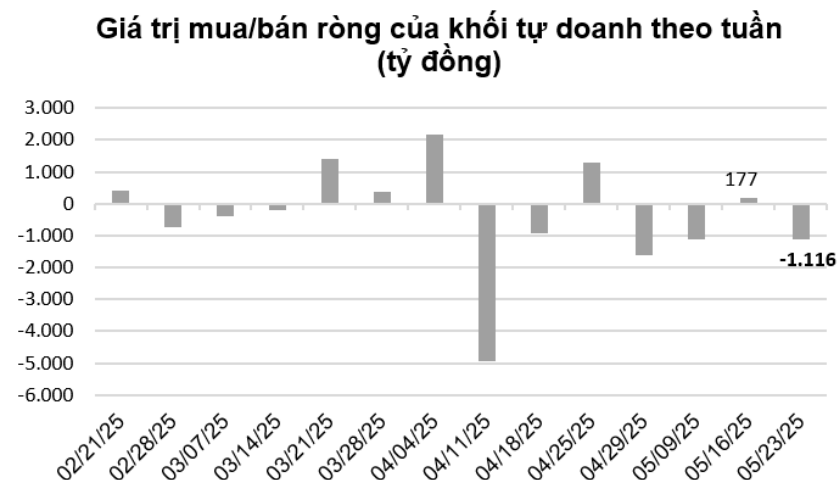
Thanh khoản khớp lệnh giảm nhẹ, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 891,9 triệu cp/phần, giảm 1,7% sv tuần trước và cao hơn 17,6% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



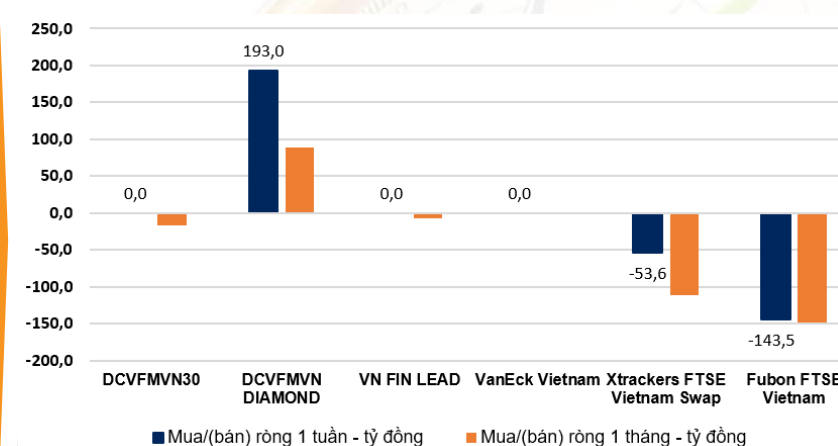
Nhà đầu tư nước ngoài trở lại bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của nhà đầu tư nước ngoài là 561 tỷ đồng.



Khối tự doanh chuyển sang bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối tự doanh là 1.116 tỷ đồng.

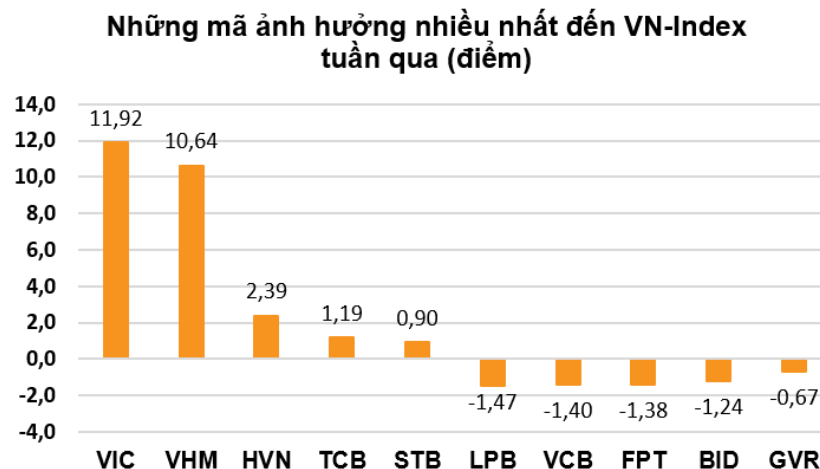


Một số quỹ ETF thực hiện giao dịch trong tuần qua. Trong đó quỹ DCVFMVN DIAMOND mua ròng nhiều nhất với giá trị mua ròng là 193 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, quỹ Fubon bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng 143,5 tỷ đồng.

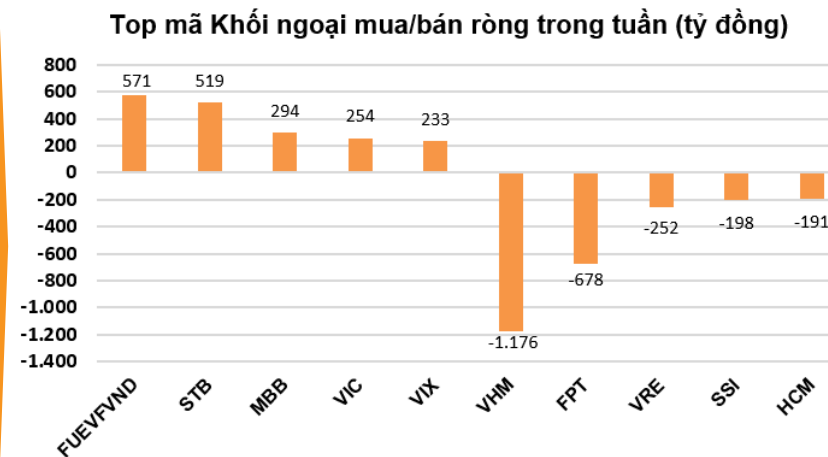


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản duy trì và khối ngoại trở lại bán ròng

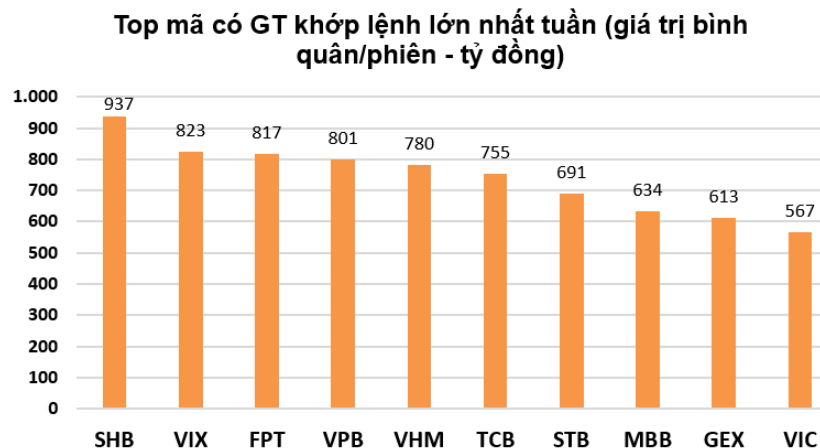
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex – điểm)



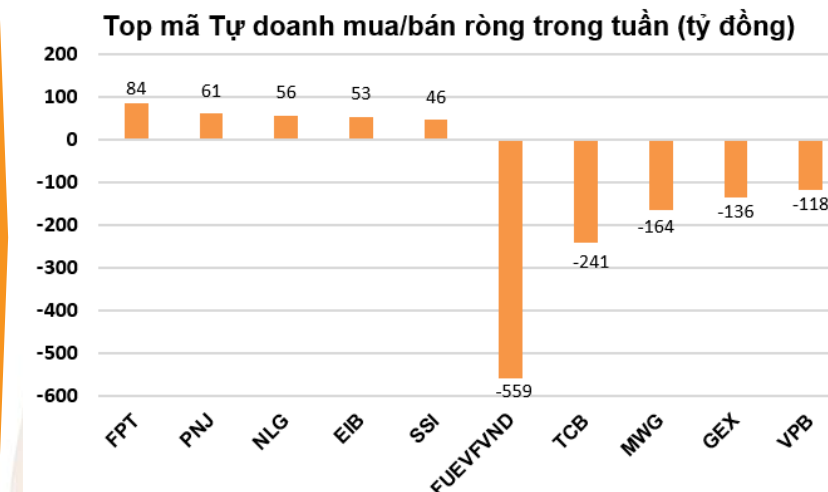
Trong tuần từ 19/05-23/05/2025 CCQ FUEVFNVD là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị 571 tỷ đồng. Trong khi VHM là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 1.176 tỷ đồng.



SHB là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là SHB tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã VIX và FPT với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là 823 tỷ đồng và 817 tỷ đồng



Trong tuần từ 19/05-23/05/2025 FPT là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng 84 tỷ đồng, trong khi CCQ FUEVFNVD là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là 559 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	CTD	08/05/2025	La Bàn Đầu Tư T5/25	-3,5%	0,0%	101.700	30,1%
2	MBB	08/05/2025	La Bàn Đầu Tư T5/25	0,0%	4,7%	28.600	16,0%
3	POW	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	3,5%	10,3%	14.900	11,6%
4	PC1	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-1,3%	-6,3%	27.100	22,3%
5	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,2%	-3,0%	74.800	31,7%
6	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,7%	4,5%	34.900	57,9%
7	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,6%	-1,0%	72.100	12,3%
8	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,2%	-19,3%	196.600	67,9%
9	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	5,5%	-15,4%	133.500	30,5%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
10	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,6%	-18,3%	82.800	40,8%
11	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-6,2%	-23,9%	62.700	59,1%
12	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,1%	-11,2%	73.700	38,3%
13	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,9%	-17,6%	41.300	46,7%
14	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,7%	-19,6%	30.900	71,7%
15	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,9%	-13,6%	46.100	34,2%
16	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	2,8%	2,5%	42.700	23,9%
17	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	-0,8%	1,3%	41.000	60,2%
18	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	2,5%	-10,2%	40.000	50,9%
19	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-1,6%	-13,1%	80.600	45,8%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
20	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	1,0%	-0,7%	65.100	39,6%
21	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	-1,2%	-16,6%	34.000	109,2%
22	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,5%	-19,1%	114.400	44,8%
23	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,3%	-4,8%	23.700	30,9%
24	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,7%	-30,3%	95.100	54,6%
25	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	6,9%	-16,1%	35.700	35,5%
26	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	2,1%	-17,5%	45.800	32,2%
27	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-2,6%	-19,9%	21.000	58,5%
28	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-0,4%	-5,0%	19.500	60,5%

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024

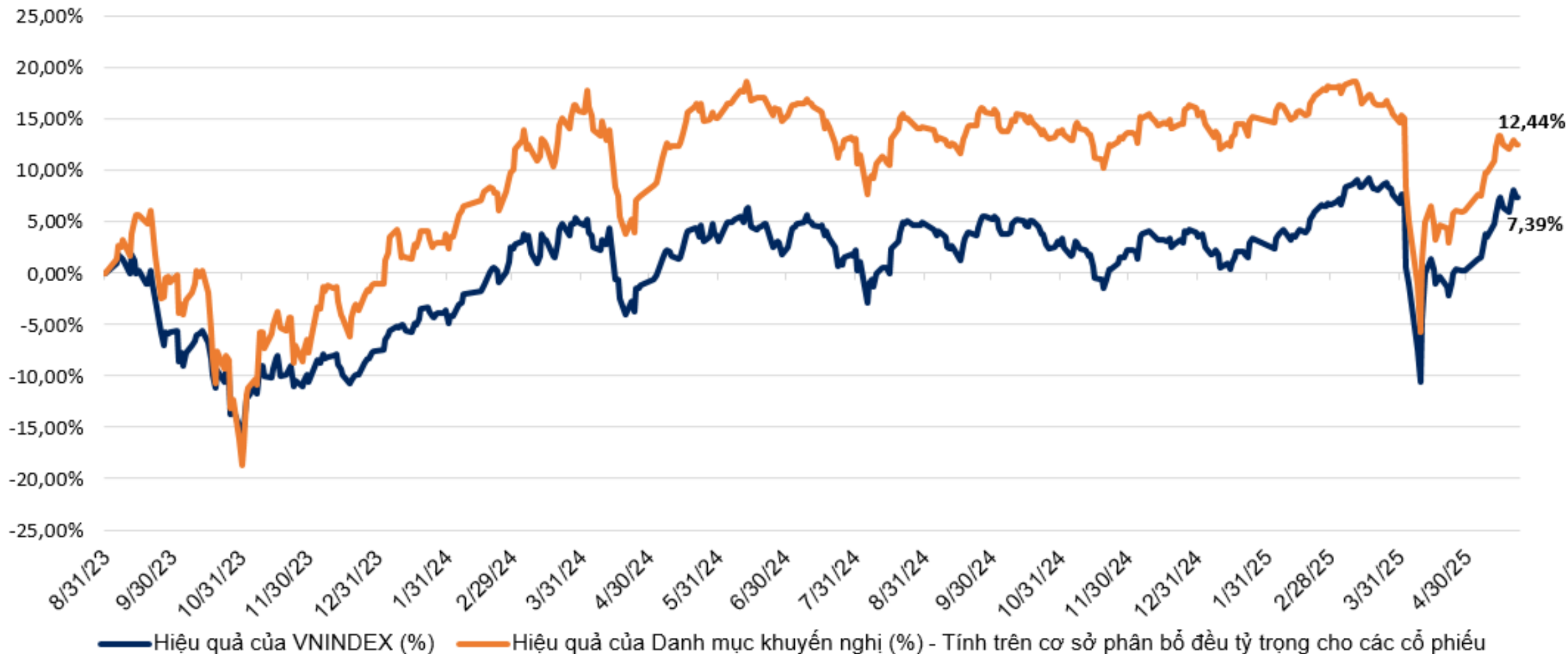
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025
19	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24		61.200	20/02/2025

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
20	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	32.000	24/02/2025
21	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	21.2000	05/03/2025
22	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	24.700	07/03/2025
23	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	55.900	15/04/2025
24	BMP	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	140.000	23/04/2025
25	TCB	08/05/2025	La Bàn Đầu Tư T5/25	29.800	14/05/2025
26	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	66.400	21/05/2025
27	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	41.500	21/05/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH

Email: research@vndirect.com.vn

